

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HS-ST
Ngày: 14-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hào.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Khắc Long; Ông Đinh Thế Hồi;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14-9-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2020/TLST-HS ngày 07-8-2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HS, ngày 01-9-2020, đối với bị cáo:

Vi Văn Tr, tên gọi khác: không, sinh ngày 22-12-1992 tại tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vi Văn Ch (đã chết) và bà Lương Thị M; (Trước khi kết hôn với chị Y L vào năm 2019 thì Vi Văn Tr đã sống chung với chị Nguyễn Thị A không đăng ký kết hôn, không có con chung); Vợ Y L, có 01 con chung sinh năm 2019; Anh em ruột có ba người, bị cáo là con út trong gia đình; Tiền án: Tại Bản án số 66/2013/HSST ngày 12/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An xử phạt Vi Văn Tr 24 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đến ngày 29/01/2016 được đặc xá tha tù nhưng chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22-5-2020 đến nay; (Có mặt).

- Người bị hại: Chị Y Th, sinh năm 1984; Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum; (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Những người làm chứng: Anh A L, anh A H;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/5/2020, Vi Văn Tr đến thôn Đ, xã Đ, huyện N để đi làm phụ hồ thuê cho anh Nguyễn Văn H, xây dựng bờ kè chống sạt lở trong thôn Đ. Sáng ngày 22-5-2020, Tr kêu mệt nên xin anh H nghỉ ở nhà mà anh H đã thuê ở tại thôn Đ. Đến khoảng 09 giờ 00 phút ngày 22-5-2020, Tr đi một mình ra phía trước nhà nhìn sang phía nhà chị Y Th cách nhà Tr ở hai nhà thấy 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đen - trắng, biển kiểm soát 82E1-034.84, trên xe cắm sẵn chìa khóa. Tr quan sát thấy không có người trông coi, nhà không có hàng rào, cổng bảo vệ, xung quanh không có người qua lại, Tr liền nảy sinh ý định trộm xe mô tô mang đi bán kiếm tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân. Tr liền đi đến chỗ xe mô tô biển kiểm soát 82E1-034.84 dựng trước sân nhà chị Y Th rồi quay đầu xe, mở khóa, nổ máy chạy ra đường liên thôn Đ hướng ra quốc lộ đường Hồ Chí Minh, dự định đi về huyện Đ, tỉnh Kon Tum tìm mối tiêu thụ nhưng khi Tr vừa chạy xe ra khỏi nhà chị Th khoảng 20m đến 30m thì bị chị Th phát hiện truy hô, đúng lúc này A H đang ở nhà gần với nhà chị Th cũng nhìn thấy nên chạy đến chặn đầu xe lại. Cùng lúc A L đang đi trên đường biết sự việc Tr trộm xe nên cũng tham gia cùng A H bắt giữ Tr lại, thấy vậy Tr để lại xe bỏ chạy. A H, A L đuổi theo và hô hào một số người dân truy đuổi, sau đó bắt được Tr giao cho Công an xã Đ lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Ngày 22/5/2020 Công an xã Đ đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án, người và tang vật đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N xử lý theo thẩm quyền.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 249/KLHD ngày 25-5-2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự xác định: xe mô tô nhãn hiệu Yamaha – Sirius, màu sơn đen-trắng, biển kiểm soát 82E1-034.84 có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Tại Bản cáo trạng số: 39/CT-VKS –HS ngày 06-8-2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum truy tố Vi Văn Tr về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Cần áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo; cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đề nghị tuyên phạt bị cáo tù 09 tháng tù đến 15 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Đề nghị buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa bị cáo Vi Văn Tr thừa nhận vì muốn có tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cho cá nhân nên khoảng 09 giờ sáng ngày 22-5-2020 bị cáo đã lấy trộm chiếc xe mô tô biển kiểm soát 82E1-034.84, khi đi xe rời khỏi nhà chị Th ra đường liên thôn Đ thì bị bắt đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

-Người bị hại là chị Y Th khai tại hồ sơ: Chị đã được cơ quan Công an trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 82E1-034.84 mà Tr đã lấy. Chị yêu cầu xử lý Tr theo quy định pháp luật và không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

- Người làm chứng là anh A H khai tại hồ sơ: Vào khoảng 10 giờ ngày 22-5-2020, sau khi phát hiện người thanh niên khoảng 30 tuổi lấy xe của chị Y Th nên đã chặn giữ xe lại giao cho chị Th rồi cùng với A L và một số người dân đuổi bắt người thanh niên có tên là Vi Văn Tr giao cho Công an xã Đ.

- Người làm chứng là anh A L khai tại hồ sơ: Khi đang đi trên đường liên thôn Đ thấy A H đang chặn xe của người đàn ông lạ mặt nên hỏi A H thì H cho biết người này lấy trộm xe của chị Th nên đã tham gia cùng H và một số người dân giữ xe, đuổi bắt người có tên Vi Văn Tr giao cho Công an xã Đ.

-Lời nói sau cùng của bị cáo: Trong thời gian bị cáo bị tạm giam được cán bộ giáo dục và nhận thấy hành vi sai trái của mình, bị cáo thật sự ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo xin hứa về sau không phạm tội nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với hành vi phạm tội của Vi Văn Tr: Tại phiên tòa Vi Văn Tr thừa nhận khoảng 09 sáng ngày 22-5-2020 đã thực hiện hành vi lấy xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 82E1-034.84 của chị Y Th để trước sân nhà, thể hiện: Bị cáo quan sát không thấy ai, nhà không có hàng rào và cổng ngõ nên đã đến

chỗ dựng xe quay đầu xe, mở khóa, nổ máy đi ra khỏi nhà chị Y Th đến đường liên thôn Đ thì bị chị Th và một số người dân phát hiện bắt giữ lại. Như vậy bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện lỗi cố ý thực hiện tội phạm, theo bản Kết luận định giá tài sản số: 249/KLHD ngày 25-5-2020 của Hội đồng định giá xác định thì giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 8.000.000đ (Tám triệu đồng), đủ yếu tố cấu thành tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, có mức khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Chính vì vậy bị cáo bị viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Tại Bản án số 66/2013/HSST ngày 12/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa chấp hành hình phạt bổ sung nộp phạt 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nên chưa được xóa án tích. Vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong suốt quá trình tham gia tố tụng từ điều tra – truy tố – xét xử bị cáo thể hiện “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt: Qua xem xét quá trình phạm tội, động cơ, mục đích, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thấy rằng tuy tài sản bị cáo chiếm đoạt không lớn và thuộc tội phạm ít nghiêm trọng nhưng bị cáo có nhân thân xấu, chưa chấp hành xong bản án của tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Cần áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo. Thấy bị cáo không nghề nghiệp, thu nhập chủ yếu từ việc đi làm thuê nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Ngoài thu giữ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 82E1-034.84 của chị Y Th và đã được xử lý ở giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra không thu giữ chứng cứ gì khác nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chị Y Th đã nhận lại xe không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nữa nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật về nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự về quyền kháng cáo;

Xử:

1. Tuyên bố bị cáo Vi Văn Tr phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt Vi Văn Tr 12 (Mười hai) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (22-5-2020). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về án phí: Buộc Vi Văn Tr phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (14-9-2020). Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Cơ quan điều tra cấp huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo